

- Sản xuất keo; mua bán nguyên phụ liệu, da, giấy, dép các loại;

- Sản xuất kinh doanh mặt hàng da, giấy dép các loại, các sản phẩm chế biến từ da, giả da và các loại nguyên phụ liệu khác;

- Kinh doanh các ngành nghề khác phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 4. Công ty cổ phần Keo dán Bình An là pháp nhân theo pháp luật Việt Nam kể từ ngày được cấp đăng ký kinh doanh, thực hiện hạch toán kinh tế độc lập, được sử dụng con dấu riêng, được mở tài khoản tại ngân hàng theo quy định của pháp luật, hoạt động theo Điều lệ của Công ty cổ phần và Luật Doanh nghiệp.

Điều 5. Công ty Giấy An Lạc tiến hành bán cổ phần và tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần đầu Công ty cổ phần Keo dán Bình An theo đúng quy định hiện hành.

Giám đốc và Kế toán trưởng Công ty Giấy An Lạc có trách nhiệm điều hành công việc của Xí nghiệp cho đến khi bàn giao toàn bộ vốn, tài sản, lao động, nhà xưởng cho Hội đồng quản trị và Giám đốc Công ty cổ phần.

Điều 6. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng thuộc Bộ, Giám đốc Công ty Giấy An Lạc, Giám

đốc Xí nghiệp Keo dán Bình An và Chủ tịch Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty cổ phần Keo dán Bình An chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG NGHIỆP

Thứ trưởng

Bùi Xuân Khu

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

QUYẾT ĐỊNH của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư số 305/2004/QĐ-BKH ngày 26/3/2004 về việc ủy quyền cho Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Thái Bình trong việc hình thành dự án; tiếp nhận, thẩm định hồ sơ dự án; cấp, điều chỉnh, thu hồi Giấy phép đầu tư và quản lý hoạt động các dự án đầu tư nước ngoài trong các khu công nghiệp, khu chế xuất.

BỘ TRƯỞNG BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

Căn cứ Luật Đầu tư nước ngoài tại

Việt Nam ngày 12 tháng 11 năm 1996 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam năm 2000;

Căn cứ Nghị định số 24/2000/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2000 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam và Nghị định số 27/2003/NĐ-CP ngày 19 tháng 3 năm 2003 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2000/NĐ-CP của Chính phủ;

Căn cứ Quy chế Khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao ban hành kèm theo Nghị định số 36/CP ngày 24 tháng 4 năm 1997 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 61/2003/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 233/1998/QĐ-TTg ngày 01 tháng 12 năm 1998 của Thủ tướng Chính phủ về việc phân cấp, ủy quyền cấp giấy phép đầu tư đối với các dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài;

Căn cứ Quyết định số 15/2004/QĐ-TTg ngày 29 tháng 01 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Thái Bình;

Theo đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình tại Công văn số 250/UB-CN ngày 27 tháng 02 năm 2004,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.

1. Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Thái Bình (sau đây gọi là Ban quản lý) là đầu mối hướng dẫn các nhà đầu tư nước ngoài đầu tư vào các khu công nghiệp, khu chế xuất hoạt động theo Quy chế Khu công nghiệp, Khu chế xuất, Khu công nghệ cao ban hành kèm theo Nghị định số 36/CP ngày 24 tháng 4 năm 1997 của Chính phủ trên địa bàn tỉnh Thái Bình.

Hồ sơ dự án đầu tư được lập theo hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

2. Ủy quyền Ban quản lý tiếp nhận, thẩm định hồ sơ dự án; cấp, điều chỉnh, thu hồi giấy phép đầu tư và quản lý hoạt động các dự án đầu tư nước ngoài đầu tư vào các khu công nghiệp, khu chế xuất quy định tại Quyết định này.

Điều 2. Các dự án đầu tư Ban quản lý được ủy quyền cấp Giấy phép đầu tư phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

1. Phù hợp với Quy hoạch và Điều lệ khu công nghiệp hoặc khu chế xuất đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Là dự án thuộc lĩnh vực công nghiệp và dịch vụ công nghiệp có quy mô vốn đầu tư đến 40 triệu đôla Mỹ, trừ những dự án thuộc Nhóm A theo quy định tại Điều 114 Nghị định số 24/2000/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2000 và được bổ

sung, sửa đổi tại khoản 26 Điều 1 Nghị định số 27/2003/NĐ-CP ngày 19 tháng 3 năm 2003 của Chính phủ.

3. Thiết bị, máy móc và công nghệ đáp ứng các quy định hiện hành; trường hợp không đáp ứng các quy định đó phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quản lý ngành kinh tế - kỹ thuật chấp thuận.

4. Đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường, an toàn lao động và phòng, chống cháy, nổ.

Điều 3. Việc xem xét cấp Giấy phép đầu tư theo quy trình đăng ký cấp giấy phép đầu tư hoặc quy trình thẩm định cấp giấy phép đầu tư do Ban quản lý thực hiện với sự phối hợp chặt chẽ với Sở Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan chức năng của địa phương theo quy định tại các Điều số 104, 105, 106, 107, 108 Nghị định số 24/2000/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2000 và được bổ sung, sửa đổi tại các khoản 22, 23 Điều 1 Nghị định số 27/2003/NĐ-CP ngày 19 tháng 3 năm 2003.

Ban quản lý có trách nhiệm xây dựng Quy chế phối hợp làm việc với các cơ quan chức năng của địa phương, trình Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình phê duyệt và thông báo cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Điều 4.

1. Ban quản lý tổ chức thẩm định và tự quyết định việc cấp Giấy phép đầu tư đối với các loại dự án sau:

- Các doanh nghiệp chế xuất có quy mô vốn đầu tư đến 40 triệu đôla Mỹ;

- Các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp và doanh nghiệp dịch vụ công nghiệp có quy mô vốn đầu tư đến 5 triệu đô la Mỹ và đáp ứng các quy định tại Điều 2 Quyết định này.

2. Thời hạn Ban quản lý thẩm định và cấp Giấy phép đầu tư là 15 ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận hồ sơ dự án, không kể thời gian chủ đầu tư sửa đổi, bổ sung hồ sơ xin cấp Giấy phép đầu tư theo yêu cầu của Ban quản lý.

Mọi yêu cầu của Ban quản lý đối với nhà đầu tư về việc sửa đổi, bổ sung hồ sơ xin cấp Giấy phép đầu tư, Giấy phép điều chỉnh được thực hiện trong thời hạn 7 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ dự án.

3. Đối với các dự án đầu tư nằm ngoài các quy định nêu tại khoản 1 Điều này thì trước khi ra quyết định, Ban quản lý có trách nhiệm gửi Tóm tắt dự án tới Bộ Kế hoạch và Đầu tư; lấy ý kiến các Bộ, ngành về những vấn đề thuộc thẩm quyền của các Bộ, ngành.

Các Bộ, ngành được lấy ý kiến về dự án, kể cả trường hợp điều chỉnh Giấy phép đầu tư, có nhiệm vụ trả lời bằng văn bản trong thời hạn 7 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ dự án; quá thời hạn nói trên mà không có ý kiến bằng văn bản thì coi như chấp thuận dự án.

Điều 5. Giấy phép đầu tư được soạn

thảo theo mẫu do Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn.

Trong thời hạn 7 ngày làm việc kể từ ngày cấp Giấy phép đầu tư, Giấy phép điều chỉnh, Ban quản lý gửi Giấy phép đầu tư, Giấy phép điều chỉnh về Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình (bản chính) và Bộ Tài chính, Bộ Thương mại, Bộ quản lý ngành kinh tế - kỹ thuật và các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan (bản sao).

Điều 6. Đối với các dự án Ban quản lý không được ủy quyền cấp giấy phép đầu tư, sau khi tiếp nhận, Ban quản lý giữ lại 1 bộ hồ sơ (bản sao) và chuyển toàn bộ số hồ sơ dự án còn lại kèm theo ý kiến của Ban quản lý về dự án đến Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổ chức thẩm định và cấp Giấy phép đầu tư theo quy định tại các Điều 109 và 114 Nghị định số 24/2000/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2000 và Nghị định số 27/2003/NĐ-CP ngày 19 tháng 3 năm 2003 của Chính phủ.

Điều 7.

1. Ban quản lý hướng dẫn các chủ đầu tư triển khai thực hiện dự án; thực hiện quản lý nhà nước đối với các hoạt động trong các khu công nghiệp, khu chế xuất theo các quy định tại Quy chế Khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao ban hành kèm theo Nghị định 36/CP ngày 24 tháng 4 năm 1997 của Chính phủ.

2. Ban quản lý thực hiện việc điều chỉnh Giấy phép đầu tư đối với các dự án đầu tư đã được ủy quyền cấp Giấy phép

đầu tư trong phạm vi hạn mức vốn đầu tư được ủy quyền.

3. Những trường hợp Ban quản lý quyết định với sự thỏa thuận của Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

- Do điều chỉnh Giấy phép đầu tư mà vượt quá hạn mức vốn đầu tư được ủy quyền, thay đổi mục tiêu hoặc bổ sung mục tiêu dự án thuộc Danh mục lĩnh vực đầu tư có điều kiện.

- Giảm tỷ lệ góp vốn pháp định của Bên Việt Nam trong các trường hợp liên doanh hoặc chuyển hình thức liên doanh sang đầu tư 100% vốn nước ngoài.

- Giải thể doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoặc chấm dứt hợp đồng hợp tác kinh doanh trước thời hạn.

4. Ban quản lý quyết định giải thể doanh nghiệp và thu hồi các Giấy phép đầu tư theo quy định hiện hành.

Điều 8. Hàng quý, 6 tháng và hàng năm, Ban quản lý tổng hợp việc cấp Giấy phép đầu tư, điều chỉnh Giấy phép đầu tư, tình hình hoạt động của các doanh nghiệp trong các khu công nghiệp, khu chế xuất thuộc phạm vi quản lý và gửi báo cáo tới Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình.

Điều 9. Bộ Kế hoạch và Đầu tư tạo mọi điều kiện thuận lợi và kiểm tra Ban quản lý thực hiện các việc được ủy quyền theo đúng quy định, chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước Chính phủ về việc ủy quyền quy định tại Quyết định này.

Điều 10. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo./.

BỘ TRƯỞNG BỘ KẾ HOẠCH
VÀ ĐẦU TƯ

Võ Hồng Phúc

**BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH
VÀ XÃ HỘI**

THÔNG TƯ số 06/2004/TT-BLĐTBXH
ngày 25/3/2004 hướng dẫn về
thủ tục để hưởng chế độ trợ
giúp theo Quyết định số 16/2004/
QĐ-TTg ngày 05 tháng 02 năm
2004 của Thủ tướng Chính phủ
về việc trợ giúp đối với hộ gia
đình có từ 02 người trở lên
không tự phục vụ được do bị
hậu quả chất độc hóa học của
Mỹ sử dụng trong chiến tranh
Việt Nam.

Căn cứ Quyết định số 16/2004/QĐ-TTg ngày 05 tháng 02 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc trợ giúp đối với hộ gia đình có từ 02 người trở lên không tự phục vụ được do bị hậu quả chất độc hóa học của Mỹ sử dụng trong chiến tranh Việt Nam, Bộ Lao động - Thương

binh và Xã hội hướng dẫn về thủ tục để hưởng chế độ trợ giúp như sau:

I. HỒ SƠ, THỦ TỤC

1. Chủ hộ gia đình làm đơn đề nghị Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi là cấp xã) xem xét đề nghị Ủy ban nhân dân cấp huyện, quận, thị xã (sau đây gọi là cấp huyện).

Hộ gia đình theo Quyết định số 16/2004/QĐ-TTg ngày 05 tháng 02 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ là những người có cùng hộ khẩu, có quan hệ ruột thịt, gia đình theo quy định của pháp luật.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã:

a) Lập danh sách những hộ gia đình theo quy định tại điểm 1 của Thông tư này, thông qua Hội đồng xét duyệt cấp xã.

b) Thành lập Hội đồng xét duyệt; thành phần gồm: Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân làm Chủ tịch Hội đồng, cán bộ Lao động - Thương binh và Xã hội là ủy viên thường trực và các thành viên là đại diện: Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Cựu chiến binh, Hội Chũ thập đỏ hoặc Hội Nông dân (nếu có). Hội đồng xét duyệt thông qua từng trường hợp được trợ giúp theo quy định tại Điều 1 Quyết định số 16/2004/QĐ-TTg ngày 05 tháng 02 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ. Hội đồng xét duyệt làm việc theo nguyên tắc đa số có biên bản (theo Mẫu số 01 kèm theo Thông tư này). Trường hợp còn có ý kiến khác nhau thì bỏ phiếu kín; nếu có